

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP HCM
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH TRƯỜNG ĐH KHXH&NV

Số phách

ĐỀ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

Môn ngoại ngữ : Tiếng Trung Quốc

Thời gian làm bài : 120 phút

(Thí sinh không được phép sử dụng tài liệu)

Họ và tên thí sinh	Số báo danh	CB Coi thi 1	CB Coi thi 2

Đề thi gồm 03 phần:

- Ngữ pháp (30 đ)
- Đọc hiểu (50 đ)
- Dịch (20 đ)

Thí sinh làm bài trên Phiếu trả lời.

PHẦN NGỮ PHÁP (30 đ)

I. Từ 4 vị trí A, B, C, D cho trước trong các câu sau, chọn vị trí đúng cho từ/cụm từ trong ngoặc. (10 đ)

1. 我们A公司的生意B前几年C好了D很多。(比)
2. A他B三十五岁时C已经D是全国著名的语言学专家了。(就)
3. 参观故宫的A游客比B去长城的C多D。(一些)
4. A在农村生活的三个月留B我们C不少D美好的回忆。(给)
5. 衣服A刚买回来B就C我不小心D给染上颜色了。(被)
6. 大家A都以为B他会看中青青,C可他D和小玲好上了。(偏)
7. 桂林我A去过一次,B有机会的话,C想再D去一次。(才)
8. 我们A要求对方B提供C更详细的资料,可是对方一直D没有回音。(再三)
9. 到下龙湾游览的游客A都B会C吸引住D。(被那里美丽的风景)
10. 经过抢救A,孩子终于醒B了,大夫和孩子的父母C都松了一口气D。(过来)

II. Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) xác định từ loại của từ gạch chân trong các câu sau. (10 đ)

11. 他的高尚品德就在于热爱祖国。
A. 副词 B. 助词 C. 连词 D. 动词
12. 不用再找借口了,我是清楚的。
A. 名词 B. 动词 C. 代词 D. 形容词
13. 今天出门时,我碰上了一起交通事故。
A. 名词 B. 动词 C. 副词 D. 量词
14. 今天太热了,把窗户打开,凉快凉快吧!
A. 形容词 B. 名词 C. 动词 D. 副词
15. 现在全家人一起学汉语的越来越多,拿我的朋友来说,他们家连70岁的奶奶也学起汉语来了。
A. 副词 B. 介词 C. 动词 D. 连词

III. Sửa câu sai. (10 đ)

16. 第一次参加这样的活动，我一边紧张，一边兴奋。
17. 第一次见面我就感到她是个好人，以后证明我的感觉是对的。
18. 他是学国际法的，前两年毕业南京大学法律学院。
19. 在中国，戴维旅游过很多有名的地方。
20. 在越南北方有很多名胜古迹。

PHẦN ĐỌC HIỂU (50 đ)

I. Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/cụm từ gạch chân trong các câu sau. (10 đ)

21. 为了治好女儿的病，王大瑞四处奔走，求医问药。
A. 东西南北 B. 四个地方 C. 四天 D. 到处
22. 过去的事她已经忘得一干二净了。
A. 洁白整齐 B. 一点不剩 C. 一点不脏 D. 没有尘土
23. 回想起来，法国老房东是我终身难忘的朋友。
A. 结婚 B. 一生 C. 全身 D. 到底
24. 他这几年拍了很多电影，有的还拿了大奖，现在他已经很红了！
A. 富有 B. 高兴 C. 有名 D. 努力
25. 这次妻子二话没说就答应让我给四川灾区捐款。
A. 没说两句话 B. 说得不清楚 C. 一直不肯说 D. 没有任何反对
26. 他向来喜欢别人宠着他，听不进去不同的意见。
A. 有时 B. 一向 C. 经常 D. 近来
27. 中文底子不好，学中医是很困难的。
A. 成绩 B. 能力 C. 水平 D. 基础
28. 在二十一世纪的今天，人人都应该懂得讲文明、讲礼貌的重要性。
A. 说 B. 解释 C. 议论 D. 重视
29. 今天是圣诞节，街上张灯结彩的，人来人往好不热闹。

- A. 很热闹 B. 很冷清 C. 不太热闹 D. 一点儿也不热闹
30. 在孩子的教育上我从不拔苗助长，而是顺其自然。
- A. 按自然规律行事 B. 在大自然里成长
C. 特意安排 D. 很顺利

II. Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) hoàn thành các câu sau. (15 đ)

31. 导演说林林的动作还有些呆板，感情不能_____地表达出来。
- A. 充分 B. 非常 C. 十分 D. 充足
32. 和中国人聊天_____能了解中国文化_____能提高汉语水平。
- A. 哪怕……也…… B. 不是……而是……
C. 除非……就…… D. 既……又……
33. 我家院子里有一棵桂花树，秋天一到，整个院子里就会飘起_____淡香味儿。
- A. 朵朵 B. 阵阵 C. 片片 D. 场场
34. 遭受了无数打击之后，表哥_____越来越坚强了。
- A. 变得 B. 变化 C. 变成 D. 成为
35. 您工作_____忙，_____还是应该抽出时间来锻炼身体。
- A. 不论……也…… B. 固然……不过……
C. 除了……还…… D. 因为……所以……
36. 听见喊自己的名字，小伙子_____紧张起来，头上都冒汗了。
- A. 顿时 B. 时不时 C. 随时 D. 暂时
37. 害羞和红脸_____说是缺点，_____说是一种讨人喜欢的性格特点。
- A. 即使……也…… B. 与其……不如……
C. 宁愿……不如…… D. 不管……都……
38. 贫困地区_____怎么困难，_____要提高教师的待遇。
- A. 一方面……另一方面…… B. 不论……都……
C. 不仅……而且…… D. 因为……所以……
39. 这个建议成为现实，_____此类成果也许会更多进入公众的视线。

- A. 或者……或者…… B. 虽然……但是……
 C. 如果……那么…… D. 要不是……还是……
40. 别看他嘴上像抹了蜜似的，心里_____真的对你好。
 A. 未必 B. 不必 C. 必定 D. 必然
41. 每天下午，接上孩子之后，我们都要带_____家里的小狗在街上散散步。
 A. 呢 B. 着 C. 过 D. 了
42. 王涛_____认为在这一个多月的实习时间里自己的工作态度是认真的。
 A. 先后 B. 始终 C. 早晚 D. 终于
43. 海边的空气特别新鲜，让我们全身充满_____轻松的感觉。
 A. 来着 B. 过 C. 一般 D. 了
44. 所有作业班长都做完了，_____老师说他做错了不少。
 A. 即使 B. 因为 C. 不过 D. 当然
45. 最近李明找到了一种练习发音的方法，_____的确不错。
 A. 后果 B. 结果 C. 成果 D. 效果

III. Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn, từ câu 41 đến câu 50. (15 đ)

(46) _____办公条件的改善和电脑的普及，办公自动化、无纸化办公已经成为不少单位(47) _____办公效率、节省成本的一种(48) _____。然而，让人意想不到的是无纸化办公并没有减少纸制品的用量，如今，(49) _____是纸越用越多、越用越精了。

“无纸化办公”即通过电脑及网络存储传递相关的文件资料，目的(50) _____减少纸的消耗，节约成本又有利于环保。但是9日记者在苏州一家文化用品商店了解到，现在不少企事业单位虽然都已(51) _____了电脑化办公，但是纸的消费量却不降反升。这家商店的经理说，现在不少人对办公自动化还不(52) _____，电脑打好的文件一定要打印(53) _____看看效果才满意；而不断冒出来的电脑网络病毒也让不少电脑使用者感到将资料存在

电脑里不安全，(54) _____ 回到以前“白纸黑字”保存的老路，这样反而拉动了纸的消费。另外，现在纸的消费也是越来越高档，以往那种一般的信、稿纸购买量(55) _____ 越来越少，取而代之的是白净度、厚度高得多的打印纸、复印纸等高档纸制品。

- | | | | |
|-----------|-------|-------|-------|
| 46. A. 随着 | B. 根据 | C. 因为 | D. 自从 |
| 47. A. 提高 | B. 进行 | C. 善良 | D. 改善 |
| 48. A. 样子 | B. 格式 | C. 手法 | D. 手段 |
| 49. A. 反而 | B. 并且 | C. 而且 | D. 不过 |
| 50. A. 在于 | B. 由于 | C. 确实 | D. 完全 |
| 51. A. 建设 | B. 实验 | C. 现实 | D. 实现 |
| 52. A. 练习 | B. 熟悉 | C. 解释 | D. 解决 |
| 53. A. 上来 | B. 出来 | C. 起来 | D. 进来 |
| 54. A. 仍然 | B. 忽然 | C. 可是 | D. 一直 |
| 55. A. 经常 | B. 往往 | C. 常常 | D. 已经 |

IV. Đọc đoạn văn, chọn đáp án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/cụm từ gạch chân trong các câu sau (10 đ)

“节粮”屡屡被提出，意味着浪费的严重。据粮食部门估计，中国城乡居民每年浪费的粮食高达200亿公斤。在京城西郊的一个垃圾消纳场，每天约有200公斤至400公斤左右吃剩的饭菜被运往养猪场。京城数万家营业性的酒店、餐馆，粮食浪费更为惊人。有一家个体餐馆为了图省事，把顾客吃剩的饭菜就进倒入雨水沟，沟被堵塞后清淘出来尚未腐烂的米饭和烙饼就有10多公斤。记者在上海出差时，常见到顾客在餐馆点饭菜的过程中，服务员会及时提醒顾客点的饭菜差不多够吃的了。顾客结账时，服务员看到剩的饭菜掠多时，会主动递上免费餐盒，劝顾客把剩的饭菜打包带走。在北京的餐馆很少见到这种情况。（《北京晚报》，98.10.16）

56. “节粮”屡屡被提出，意味着浪费的严重。

A. 多次

B. 每次

C.又一次

D.一次又一次地

57.在京城西郊的一个垃圾消纳场，人们每天可拾得 200 公斤至 400 公斤的食品垃圾。

A.储存场地

B.处理场

C.聚集场

D.垃圾场

58.有一家个体餐馆为了图省事，把顾客吃剩的饭菜就近倒入雨水沟。

A.贪图方便

B.为了节省时间

C.贪便宜

D.求容易

59.有一家个体餐馆为了图省事，把顾客吃剩的饭菜就近倒入雨水沟。

A.雨水冲出的沟

B.便于雨水流走的沟

C.为了存雨水而挖的沟渠

D.便于水流的沟

60.服务员主动递上免费餐盒，劝顾客把剩的饭菜打包带走。

A.放进包里

B.打成包裹

C.装进餐盒

D.用以装饭菜的纸盒

PHẦN DỊCH (20 đ)

I. Dịch Việt-Hán (10 đ)

61. Cho dù có khó khăn bằng trời, chúng ta cũng không thể lùi bước.

62. Mặc dù đã thất bại rất nhiều lần, nhưng nó không hề thôi chí.

63. Chỉ cần có chí khí, có lòng tin, là nhất định có thể khắc phục được mọi khó khăn.

64. Cô ấy đã không thích, thế thì anh đừng mua làm gì.

65. Dưới sự giúp đỡ của thầy cô giáo, Nhân đã khắc phục mọi khó khăn, thi đậu vào trường đại học nổi tiếng.

II. Dịch Hán-Việt (10 đ)

有些人因为上班的地方比较远，或者是为了参加早锻炼，常常起得很早，早餐也吃得很早。其实，起床后应该先喝点儿水，过半小时以后再吃早

餐对健康比较有利。因为，在夜里的睡眠过程中，人体的大部分器官虽然都得到了充分休息，但是消化器官，即胃和肠却仍在工作，它们要不停地消化和吸收你晚餐时吃下去的留在胃肠道里的食物，到凌晨才消化完，开始休息。如果早餐吃得太早，就会影响到胃和肠道的休息。所以，正确的做法是早晨起床后，先喝一杯温开水，过半个小时左右再吃早餐。

31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45
A	D	B	A	B	A	B	B	C	A	B	B	D	C	D

III. Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn.
(15 đ)

46	47	48	49	50	51	52	53	54	55
A	A	D	A	A	D	B	B	A	D

IV. Đọc đoạn văn, chọn đáp án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/cụm từ gạch chân trong các câu sau (10 đ)

56	57	58	59	60
A	B	A	B	C

PHẦN DỊCH (20 đ)

I. Dịch Việt-Hán (10 đ, đáp án chỉ mang tính chất tham khảo, cần linh hoạt khi chấm)

61. 就是有天大的困难，我们也不能后退。
62. 虽然失败了很多次，但是他并不灰心。
63. 只要有勇气、有信心，就一定能够克服所有的困难。
64. 既然她不喜欢，那你就别买了。
64. 在老师们的帮助下，阿仁克服了所有的困难，考上了有名的大学。

II. Dịch Hán-Việt (10 đ, đáp án chỉ mang tính chất tham khảo, cần linh hoạt khi chấm)

Một số người vì nơi làm việc tương đối xa, hoặc vì tham gia tập thể dục buổi sáng, nên thường dậy rất sớm, bữa sáng của họ cũng rất sớm. Thực ra, sau khi dậy trước tiên nên uống một chút nước, khoảng nửa tiếng sau mới ăn sáng, như thế sẽ có lợi cho sức khỏe. Vì rằng, trong giấc ngủ vào đêm, toàn bộ những cơ quan trong cơ thể con người (về danh nghĩa) tuy đều đã được nghỉ ngơi, thế nhưng vẫn còn cơ quan tiêu hóa, tức dạ dày và ruột vẫn luôn trong trạng thái làm việc, chúng phải không ngừng tiêu hóa những thực phẩm trong dạ dày và ruột mà chúng ta đã ăn

ĐÁP ÁN ĐỀ THI TUYỂN SINH SĐH

Môn thi: Tiếng Trung Quốc

PHẦN NGỮ PHÁP (30 đ)

I. Từ 4 vị trí A, B, C, D cho trước trong các câu sau, chọn vị trí đúng cho từ/cụm từ trong ngoặc. (10 đ)

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
B	C	D	B	C	D	A	A	C	B

II. Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) xác định từ loại của từ gạch chân trong các câu sau (10 đ).

11	12	13	14	15
D	A	D	C	B

III. Sửa câu sai (10 đ, đáp án chỉ mang tính chất tham khảo, cần linh hoạt khi chấm)

16. 第一次参加这样的活动，我又紧张，又兴奋。
17. 第一次见面我就感到她是个好人，后来证明我的感觉是对的。
18. 他是学国际法的，前两年毕业于南京大学法律学院。
19. 在中国，戴维游览过很多有名的地方。
20. 越南北方有很多名胜古迹。

PHẦN ĐỌC HIỂU (50 đ)

I. Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/cụm từ gạch chân trong các câu sau. (10 đ)

21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
D	B	B	C	D	B	D	D	A	B

II. Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) hoàn thành các câu sau. (15 đ)

vào bữa tối, phải đến gần sáng mới xong và nghỉ ngơi. Nếu chúng ta ăn sáng sớm quá, sẽ ảnh hưởng đến việc nghỉ ngơi của dạ dày và ruột. Cho nên, cách làm đúng nhất là mỗi sáng sau khi thức dậy, trước tiên nên uống một ly nước ấm, khoảng nửa tiếng đồng hồ sau mới ăn sáng.

